TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1548/2026/QĐST – HNGĐ	*Thành phố H, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1251/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hứa Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: B đường A, phường P, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: B đường A, phường P, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hứa Thị N và ông Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng:

Bà Hứa Thị N và ông Trần Văn Đ thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116/ĐKKH, quyển số 01/1997 do UBND P, quận B (nay là phường G), Thành phố H cấp ngày 26/12/1997 hết hiệu lực.

- Về con chung:

Có hai con chung tên Trần Hứa Tuấn Hoàng sinh ngày 16/11/1998 và Trần Hứa Tuấn Kiệt sinh ngày 21/4/2003 (đã thành niên).

- Về tài sản chung:

Đương sự khai không có nên Toà án không xét.

- Về nợ chung:

Đương sự khai không có nên Tòa án không xét.

- Về án phí:

Án phí thuận tình ly hôn: Là 150.000 đồng do bà N tự nguyện chịu.

Được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0037720 ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà N được hoàn lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10;
- UBND P, Thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Tiến